

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 11/01/2023

*V/v Tuyên bố không công nhận
quan hệ vợ chồng*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Dương Chiêu Hùng.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Triệu Khánh Long
Ông Triệu Lát
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 11/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 172/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 11 năm 2022, về việc “Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2022/QĐXXST - HNGĐ, ngày 16/12/2022 giữa các đương sự;

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Lệ H, sinh năm 1973; (có mặt)
Địa chỉ: ấp S, xã T, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.
- **Bị đơn:** Ông Hà Văn T, sinh năm 1972; (có mặt)
Địa chỉ: ấp S, xã T, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2022 (BL01) cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Lệ H trình bày: Vào năm 1993, bà H kết hôn với ông Hà Văn T có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng dần phát hiện cả hai không đồng quan điểm, không hợp tính tình. Trong lúc bà H phát bệnh ông T không quan tâm đến, trong thời gian bà H trị bệnh ông T đã sống không chung thủy và có hành vi bạo lực gia đình. Nên bà H và ông T đã xảy ra mâu thuẫn, không còn tình cảm nên không thể tiếp tục sống chung được nữa.

Trong thời gian chung sống với nhau bà H và ông T có 02 người con chung là: Hà Thị Quyền T1 (giới tính: nữ), sinh ngày 18/8/1994; Hà Khánh D (giới tính: nam), sinh ngày 18/10/1999. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Về nợ chung: không có.

Nay tại phiên tòa bà Nguyễn Lệ H yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ chung sống giữa bà H và ông Hà Văn T là quan hệ vợ chồng. Về con chung: Đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Lời trình bày của bị đơn tại biên bản ghi lời khai ngày 05/12/2022 (BL20) cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Ông T và bà H có tổ chức lễ cưới vào cuối năm 1993, không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống với nhau có 02 người con chung tên Hà Thị Quyền T1 (giới tính: nữ), sinh ngày 18/8/1994; Hà Khánh D (giới tính: nam), sinh ngày 18/10/1999, về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia với nhau, nợ chung không có. Ông T nhất với ý kiến bà H yêu cầu Tòa án tuyên bố quan hệ chung sống giữa ông T và bà H không phải là vợ chồng vì hai người không có đăng ký kết hôn với nhau.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận mối quan hệ chung sống giữa bà H và ông T là vợ chồng. Về con chung các con của bà H và ông T hiện đã thành niên, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Tài sản chung: tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung: không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn bà Nguyễn Lệ H yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố quan hệ chung sống giữa bà H và ông Hà Văn T không phải là vợ chồng do hai người chung sống với nhau, nhưng không có đăng ký kết hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Lệ H và bị đơn ông Hà Văn T là tranh chấp về hôn nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ tại ấp S, xã T, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu về quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn bà Nguyễn Lệ H và bị đơn ông Hà Văn T thấy rằng: Bà H và ông T chung sống với nhau từ cuối năm 1993, nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh nghĩa vụ vợ chồng...”*. Tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 8016/VBHN-BTP ngày 10 tháng 12 năm 2013 quy định chi tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị quyết 35/2000/QH10 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình *“Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001 mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn. Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn, thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”*. Bà H và ông T chung sống với nhau từ cuối năm 1993 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn, nên theo quy định nêu trên pháp luật không công nhận bà H và ông T là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà H và ông T cùng thừa nhận quá trình chung sống với nhau có 02 người con chung gồm: Hà Thị Quyền T1 (giới tính: nữ), sinh ngày 18/8/1994; Hà Khánh D (giới tính: nam), sinh ngày 18/10/1999 hiện nay các con chung đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân và tại phiên tòa hôm nay bà H và ông T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Các đương sự khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí sơ thẩm: Bà H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Lệ H đối với bị đơn ông Hà Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Lệ H và ông Hà Văn T.

- Về con chung: Hà Thị Quyền T1 (giới tính: nữ), sinh ngày 18/8/1994; Hà Khánh D (giới tính: nam), sinh ngày 18/10/1999 hiện nay đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Các đương sự khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Lệ H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai số 0004468 ngày 07/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà H đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí. Ông Hà Văn T không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Dương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Chiêu Hùng